

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: **67/2019/DS-ST**
Ngày: 27-11-2019
v/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thái

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Ba;
2. Ông Nguyễn Văn Thiện.

-Thư ký phiên tòa: Nguyễn Văn Hưng- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đức Linh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 292/2019/TLST- DS, ngày 16/10/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 242/2019/QĐXXST-DS ngày 5/11/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 157/2019/QĐST-DS ngày 20/11/2019; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị C**, sinh năm 1969. Có mặt;
Trú tại: Tổ 2, thôn 2, xã SN, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.
2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1981. Có mặt;
Trú tại: Tổ 4, thôn 5, xã MP, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.
3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
-Ông Lê Quang T, sinh năm 1966. Vắng mặt.

Trú tại: Tổ 2, thôn 2, xã SN, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

-Bà **Mai Thị Th**, sinh năm 1982. Vắng mặt.

Trú tại: Tổ 4, thôn 5, xã MP, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/10/2019, bản khai, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị C trình bày: Ngày 1/1/2017 ông Nguyễn Văn L vay của bà C số tiền 750.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng. Đến ngày 10/1/2017 ông L vay thêm số tiền 500.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng. Mục đích ông L vay tiền để đáo hạn ngân hàng và dùng vào việc mua bán thức ăn gia súc trong gia đình. Thời hạn ông L vay là 01 tháng. Tuy nhiên từ khi vay đến nay ông L không trả nợ gốc cho bà C, ông L chỉ trả được tiền lãi khoảng 40.000.000 đồng. Nay bà C yêu cầu ông L, bà Mai Thị Th phải trả số tiền gốc 1.250.000.000 đồng, riêng tiền lãi còn lại không yêu cầu.

Chứng cứ do nguyên đơn đưa ra là 02 Giấy xác nhận vay tiền do ông L viết.

-Bị đơn ông Nguyễn Văn L trình bày: Thực tế hai khoản tiền bà C khởi kiện là tiền ông L vay của bà C vào năm 2016, với lãi suất là 2%/tháng và 3%/tháng như bà C trình bày. Ông L khai là có trả lãi cho bà C mỗi tháng 30.000.000 đồng, trả được bao lâu, trả thời gian nào, số tiền lãi đã trả thì ông L không còn nhớ. Đến ngày 1/1/2017 và 10/1/2017 ông L viết lại giấy vay hai khoản tiền vay 750.000.000 đồng và 500.000.000 đồng cho bà C. Ông L vay tiền của bà C để sử dụng trong việc mua bán thức ăn gia súc trong gia đình. Nay ông L chấp nhận trả nợ theo yêu cầu của bà C, ông L xin để khi nào ông trả xong khoản nợ 4.850.000.000 đồng của ngân hàng, thì ông sẽ lo trả cho bà C. Bởi hiện tại kinh tế của gia đình ông L đang rất khó khăn, gia đình gần như phá sản.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Quang T (chồng bà C) trình bày: Ông T thống nhất với ý kiến của bà C.

Do bà Mai Thị Th không đến Tòa án tham gia hòa giải, nên Tòa án không ghi nhận ý kiến của bà Th. Sau khi lập biên bản họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Tòa án có thông báo cho bà Th biết về chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng bà Th không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về phần thủ tục: Khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa vắng mặt bà Mai Thị Th, ông Lê Quang T mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai, nên Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vắng mặt bà Th và ông T.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, áp dụng pháp luật để giải quyết quan hệ tranh chấp: Khi thụ lý vụ án, Tòa án căn cứ vào đơn khởi kiện và nội dung vụ án xác định quan hệ tranh chấp là: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Quan hệ xác lập năm 2017, nên áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc vợ chồng ông L trả nợ vay là có căn cứ, bởi hai bên đã thừa nhận số tiền vay là thực tế. Do ông L vay số tiền 750.000.000 đồng vào ngày 1/1/2017 và số tiền 500.000.000 đồng ngày 10/1/2017 nhằm mục đích sử dụng trong việc kinh doanh làm ăn cho gia đình. Do đó ông L và bà Th phải có trách nhiệm trả số tiền vay 1.250.000.000 đồng cho vợ chồng bà C, ông Tương là phù hợp Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình..

[4] Tuy hai bên khai khi vay có thỏa thuận về lãi suất, nhưng nguyên đơn không yêu cầu vợ chồng ông L phải trả khoản tiền lãi còn lại kể từ ngày vay cho đến nay là có lợi cho bên có nghĩa vụ tài sản, nên chấp nhận. Bà C khai là ông L có trả khoản 40.000.000 đồng tiền lãi. Còn ông L khai là trong năm 2016 có trả lãi

mức 2%/tháng và 3%/tháng cho bà C, nhưng ông L không xác định định thời gian trả, số tiền lãi đã trả, nên không thể tính được số tiền lãi trả vượt mức quy định của pháp luật để trừ vào tiền gốc được.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên ông L, bà Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Xét thấy vợ chồng ông L bà Th hiện khó khăn về kinh tế, do phải trả nợ cho nhiều người đang khởi kiện tại Tòa án với số tiền rất lớn, ông L bà Th có đơn xin giảm tiền án phí, nên căn cứ Điều 12, 14, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, để giảm 50% tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông L, bà Th .

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 271, 273, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 12, 14, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc ông Nguyễn Văn L và bà Mai Thị Th phải trả cho bà Lê Thị C và ông Lê Quang T số tiền 1.250.000.000 đồng (một tỷ hai trăm năm chục triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, đối với khoản tiền trên cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn L và bà Mai Thị Th phải chịu 24.750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (đã giảm 50% án phí cho ông L, bà Th). Trả lại cho bà Lê Thị C 29.286.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, theo biên lai thu tiền số 0003147 ngày 16/10/2019.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án: 27/11/2019. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án, để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./-

Nơi nhận:

VKSND huyện;
-THADS huyện;
-Các đương sự;
-Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Thái